

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 195/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19-6-2024

V/v tranh chấp Hôn nhân và
Gia đình”.

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Thành

Bà Bùi Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử công khai vụ án thụ lý số 135/2024/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 196/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị H**, sinh năm 2000. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: **Xóm H, xã X, huyện H, tỉnh Nghệ An**.

Địa chỉ hiện nay: **Số F, đường D, quận Đ, thành phố Đ, Đài Loan**. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt (được **Văn phòng K** tại **Đ** chứng thực).

- *Bị đơn:* Anh **Hà Huy T**, sinh năm 1986. Địa chỉ: **Xóm H, xã X, huyện H, tỉnh Nghệ An**. Vắng mặt (xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Ý kiến của nguyên đơn chị **Trần Thị H (được **Văn phòng K** tại **Đ** chứng thực):**

Chị **H** và anh **Hà Huy T** đăng ký kết hôn vào ngày 09/3/2020 tại Ủy ban nhân dân xã **X**, huyện **H**, tỉnh **Nghệ An** trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn; sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Đến tháng 9/2023, do kinh tế khó khăn nên chị **H** đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan; anh **T** ở Việt Nam không chịu làm ăn, thường xuyên chơi bời, rượu chè, cờ bạc nên tình cảm vợ chồng mất dần đi. Do hiện nay sống cách xa nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên chị **H** đề nghị Tòa án giải quyết cho chị **H** ly hôn với anh **T**.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là **Hà Huy A**, sinh ngày

17/7/2020. Hiện nay cháu **A** đang sống cùng anh **T**. Chị **H** đề nghị giao con chung cho anh **Hà Huy T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ: Chị **H** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị **Trần Thị H** hiện đang cư trú và làm việc tại Đài Loan, không có điều kiện về Việt Nam để đến Tòa án giải quyết việc ly hôn nên đã ủy quyền cho ông **Nguyễn Văn D** - Công tác tại Văn phòng luật sư **Văn D** và Cộng sự, **Đoàn luật sư tỉnh N** (ủy quyền được **Văn phòng K** tại **D** chứng thực) nộp đơn xin ly hôn, tài liệu và nhận các văn bản của Tòa án. Đồng thời, chị **H** đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt chị **H**.

2. Ý kiến của bị đơn anh **Hà Huy T**: Ngày 22/5/2024, anh **Hà Huy T** có bản tự khai trình bày:

Vợ chồng kết hôn ngày 9/3/2024 tại Ủy ban nhân dân xã **X**, huyện **H**, tỉnh **Nghệ An** trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn; năm 2023, chị **H** đi nước ngoài dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng mất dần đi. Do tình cảm không còn, chị **H** làm đơn ly hôn anh **T** đồng ý.

Về con chung: Anh **T** và chị **H** có một con chung là **Hà Huy A**, sinh ngày 17/7/2020. Từ khi chị **H** đi nước ngoài làm việc thì cháu **A** sống với anh **T**. Nếu ly hôn, anh **T** có nguyện vọng được nuôi cháu **A** và không yêu cầu chị **H** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Anh **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị **H** hiện đang cư trú hợp pháp tại Đài Loan khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh **T**; do chị **H** trước khi xuất cảnh có địa chỉ cuối cùng tại tỉnh **Nghệ An** và hiện nay đang ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh **Nghệ An**.

[2] Về tố tụng: Chị **H** và anh **T** đều đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung: Chị **H** vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên nội dung khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh **T**. Xét thấy, chị **H**, anh **T** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định; sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì mâu thuẫn do quan điểm sống khác nhau. Hiện tại, chị **H** và anh **T** đều xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và đều đồng ý ly hôn. Vì vậy, giải quyết cho chị **Trần Thị H** được ly hôn anh **Hà Huy T** là phù hợp với Điều 56 Luật n" Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Cháu **Hà Huy A**, sinh ngày 17/7/2020, hiện nay anh **T** đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu **A**; nếu ly hôn anh **T** có nguyện vọng được nuôi con chung và chị **H** cũng đồng ý giao con chung cho anh **T** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Vì vậy, giao cháu **Hà Huy A** cho anh **T** trực tiếp chăm

sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với các quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh **T** chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Tài sản chung và nợ chung: Chị **H**, anh **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị **H** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84, 122, 123, 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 37; Điều 40; Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị **Trần Thị H** ly hôn với anh **Hà Huy T**.

2. Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung **Hà Huy A**, sinh ngày 17/7/2020 cho anh **Hà Huy T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Anh **Hà Huy T** chưa yêu cầu chị **Trần Thị H** cấp dưỡng nuôi con. Vì quyền lợi của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị **Trần Thị H** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012764 ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Chị **H** đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh **Hà Huy T** vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Chị **Trần Thị H** vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Hoàng Ngọc Anh